

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-PT

Ngày 14-3-2022

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm
phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐ-PT, ngày 07/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 37/2022/QĐ-PT, ngày 25/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1972, Địa chỉ: Đường H, Khóm 7, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: địa chỉ: đường 2, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kim Y, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Phường L, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị C; sinh năm 1964; Địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lương Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn Phạm Ngọc T trình bày:

Ngày 17/4/2020, giữa Bà T và gia đình bà C có sự hiểu lầm, theo đó bà C cho rằng Bà T có mối quan hệ không lành mạnh với chồng bà C là ông Lê Văn Đ, nên bà C cùng bốn người con của bà đến sạp bún riêu của Bà T. Tại đây Chị Lê Thị Kim Y (là con bà C) đã dùng tay đánh vào mặt Bà T, làm Bà T bị gãy sống mũi giả, chấn thương vùng mũi và mặt. Sau khi bị đánh, gia đình Bà T đã chuyển bà đến Bệnh viện Dân Quân Y tỉnh Sóc Trăng để điều trị, sau khi khám, bác sỹ yêu cầu bà đến Cơ sở Thăm mỹ viện Kim Khuyên để xử lý mũi giả bị gãy, sau khi xử lý xong, Bà T trở lại Bệnh viện Dân Quân Y tỉnh Sóc Trăng điều trị từ ngày 17/4/2020 – 08/5/2020 thì xuất viện.

Ngày 17/6/2020, Bà T làm đơn yêu cầu xử lý hình sự hành vi trên của chị L. Ngày 22/7/2020, Công an huyện Long Phú có ra thông báo số 37/2020 về kết luận giám định thương tật của bà là 00%. Ngày 07/8/2020, bà nhận được thông báo không khởi tố hình sự. Để đảm bảo quyền lợi của mình, Bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu bồi thường về dân sự với tổng số tiền là: 39.470.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/3/2021, nguyên đơn T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định bị đơn là bà Lương Thị C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chị Lê Thị Kim Y. Nay nguyên đơn T yêu cầu Tòa án xác định lại tư cách người tham gia tố tụng như sau: Bị đơn trong vụ án là Chị Lê Thị Kim Y, còn bà Lương Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 12/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã ban hành “*Thông báo về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại tư cách tham gia tố tụng*” và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án được biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn T xin thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện, cụ thể là: Nguyên đơn T chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn L có nghĩa vụ bồi thường tiền thuốc trong thời gian nằm viện từ 17/4/2020 – 08/5/2020 là 824.000 đồng; tiền thẩm mỹ mũi giả: 25.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần bằng 03 tháng lương tối thiểu là 1.490.000 đồng x 3 = 4.470.000 đồng; 21 ngày lao động của người nuôi bệnh bị mất là 200.000 đồng x 21 ngày = 4.200.000 đồng. Không yêu cầu bồi thường 21 ngày công lao động bị mất của Bà T trong thời gian nằm viện với số tiền là 200.000 đồng x 21 = 4.200.000 đồng. Tổng cộng các khoản yêu cầu bà L bồi thường là: 34.494.000 đồng.

- Đối với Bị đơn Lê Thị Kim L trình bày: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án huyện Long Phú đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn L, nhưng bị đơn L không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T, bị đơn L không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án. Do

đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị C trình bày:* Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đối với yêu cầu khởi của Bà T, thì bà và con gái là bị đơn L không đồng ý bồi thường, vì: Đã có kết luận không khởi tố vụ án hình sự, kết quả giám định là 0%, bị đơn L đã đóng phạt xong, nên không đồng ý bồi thường. Ngoài ra, bà C còn cho rằng: Từ ngày nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án, thì bị đơn L sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, gia đình không liên hệ được. Vụ việc xảy ra giữa gia đình bà và Bà T đã được Công an huyện Long Phú xử lý xong bằng một quyết định xử phạt hành chính, con bà là bị đơn L và bà không có gây thương tích gì cho Bà T nên không bồi thường. Việc Bà T khởi kiện đòi bồi thường chi phí do tổn hại sức khỏe, thương tích là không có căn cứ vì Hội đồng giám định y khoa cũng đã có kết quả chứng minh tỷ lệ thương tật là 0%. Thêm đó, theo sự hiểu biết của bà thì một hành vi vi phạm cùng một sự việc đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý thì không xử lý lại. Do đó bà C đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ vụ án.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST, ngày 30/9/2021 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 584; 585; 586; 588; 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào phần I và mục 1 phần II của Nghị Quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Ngọc T về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim L bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc bà Lê Thị Kim L có trách nhiệm bồi thường cho Bà Phạm Ngọc T số tiền 6.514.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy

bản án sơ thẩm, để điều tra làm rõ việc con gái bà C là bị đơn Lê Thị Kim L có gây thương tích cho nguyên đơn Phạm Ngọc T hay không, để làm căn cứ bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn T không rút đơn khởi kiện, người liên quan C không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn T và người liên quan C đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, là chưa thực hiện nghiêm theo triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung kháng cáo: Do kháng cáo của người liên quan C không có căn cứ và nguyên đơn T không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bà C. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của người liên quan C là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Bị đơn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn L.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Người liên quan C cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ việc con gái bà C là bị đơn Lê Thị Kim L có gây thương tích cho nguyên đơn Phạm Thị Ngọc T hay không, để làm căn cứ bồi thường, vì các căn cứ sau:

- Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án không có mặt bị đơn Lê Thị Kim L, các văn bản tố tụng của Tòa án bị đơn L đều không biết, không được

triệu hợp lệ theo quy định của pháp luật. Từ ngày nhận được quyết định đình chỉ vụ án hình sự giữa Bà T và gia đình bà C, bị đơn L đã nộp phạt xong và đi làm thuê cho đến nay không về địa phương mà mắc kẹt tại Bình Dương hay Thành phố Hồ Chí Minh vì dịch Covid-19. Tòa sơ thẩm xét xử lúc dịch bệnh diễn ra phức tạp tại địa phương nên bà C đi không được.

- Thứ hai: Tòa sơ thẩm áp đặt việc Bà T nằm viện là do Lê Thị Kim L đánh đá vào người bà Phạm Thị Kim T là không có cơ sở và vô căn cứ, bởi vì Bà T đi sửa mũi và bị hoại tử trước đó và chứng minh là sau khi thẩm mỹ viện lấy mũi giả ra thì Bà T mới đi nằm viện, không phải vết thương do L đánh, chứng minh tại kết quả giám định vụ án do công an cung cấp là 0%.

Xét kháng cáo của người liên quan C thì thấy rằng:

2.1 Về điều kiện thụ lý vụ án:

Người liên quan C thừa nhận: Bị đơn L là con ruột của bà và có hộ khẩu cùng với bà. Sau khi nhận quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì bị đơn L đi làm ăn xa nhà và bà không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Điều e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định cụ thể như sau:

“... Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung...”.

Bị đơn L không còn sinh sống tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương biết và cũng không báo cho người thân như mẹ ruột là người liên quan C biết, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù bà C cho rằng đã thông báo bằng điện thoại cho bị đơn L biết về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, nhưng bị đơn L vẫn không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T, và cũng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án biết, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, thì được coi là người bị kiện cố tình giấu địa chỉ. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định đã được viện dẫn nêu trên là có căn cứ pháp luật.

2.2 Xét trách nhiệm bồi thường:

Bà C cho rằng: Bà T đi sửa mũi trước khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, sau khi các bên xảy ra mâu thuẫn cự cãi thì Bà T đi Thẩm mỹ viện lấy mũi giả ra, do bị hoại tử trước đó nên Bà T phải đi điều trị tại Bệnh viện, nguyên nhân Bà T đi nằm viện không phải do bị L đánh.

Bà C cho rằng: Chưa có căn cứ để xác định con gái bà là bị đơn L đánh

nguyên đơn T gây thương tích, vì kết quả giám định xác định tỷ lệ thương tích là 00% (không phần trăm).

Xét kháng cáo của bà C về trách nhiệm bồi thường của bị đơn L đối với nguyên đơn T, thì thấy rằng:

- Sự việc các bên phát sinh tranh cãi, sau đó có xảy ra xô xát vào 17/4/2020, tại chỗ bán bún của nguyên đơn T, thuộc ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là sự kiện có thật đã xảy ra trên thực tế, được thể hiện trong quá trình Cơ quan công an huyện Long Phú giải quyết vụ việc được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Ngày 07/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú, ban hành Quyết định không khởi tố vụ án số 24, có nội dung: Sau khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm thấy: Hành vi không cấu thành tội phạm;

- Ngày 24/8/2020, Công an huyện Long Phú ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số 95/QĐ-XPHC, có nội dung: “... Bà Lê Thị Kim L, sinh ngày 22/02/1985; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Nơi ở hiện tại: ấp Cái Quan, xã Tân Thạnh, huyện Long, tỉnh Sóc Trăng; CMND số: 365526687, ngày cấp 16/5/2018; Nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Vào ngày vào 17/4/2020, tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, bà Lê Thị Kim L đã có hành vi dùng tay đánh và chân đá vào người Bà Phạm Ngọc T, xâm hại đến sức khỏe của Bà Phạm Ngọc T...”... Tổng mức tiền phạt chung: 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị đơn L được nêu ở phần trên, đã xác định: Bà L có gây thương tích cho Bà T. Bà C là người nhận Quyết định xử phạt hành chính nêu trên thay cho con gái là bị đơn L (bút lục số 52), sau khi nhận được Quyết định xử phạt hành chính, bị đơn L không khiếu nại quyết định nêu trên và đã nộp phạt đầy đủ (theo biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính ngày 31/8/2020 do bị đơn L trực tiếp nộp, bút lục số 27). Như vậy, được xem như chị L đã thừa nhận hành vi vi phạm theo nội dung của Quyết định xử phạt nêu trên.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn L đã có hành vi xâm hại đến sức khỏe của nguyên đơn T. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn L phải bồi thường do gây thương tích cho nguyên đơn T, tổng cộng các khoản với số tiền 6.514.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Bà C không chứng minh được kháng cáo về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người liên quan C.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người liên quan C không được chấp nhận. Vì vậy, người liên quan C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584; 585; 586; 588; 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào phần I và mục 1 phần II của Nghị Quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Ngọc T về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim L bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc bà Lê Thị Kim L có trách nhiệm bồi thường cho Bà Phạm Ngọc T số tiền 6.514.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày Bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà L còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L phải chịu số tiền 325.700 đồng (Ba trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm đồng). Bà Phạm Ngọc T, bà Lương Thị C không phải chịu án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Người liên quan Lương Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003219 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Bà C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Nam Trung